

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 3271 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 06 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thực hiện việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2625/TTr-SNN ngày 25 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này sửa đổi **01** thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường và Khuyến nông (**Mã TTHC: 1.009478**) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 1107/QĐ-UBND, ngày 11/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *ld*

Nơi nhận: *kh*

- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, NC, HCC, Website;
- Lưu: VT, H^{KS}TT *3*



CHỦ TỊCH

★ Võ Văn Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3271 /QĐ-UBND, ngày 06 tháng 12 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

STT	MÃ TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
I	Lĩnh vực Khoa học Công nghệ, Môi trường và Khuyến nông		
1	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	1

Ghi chú:

- Sửa đổi một phần nội dung thủ tục hành chính từ trang số 46 đến trang 50 (**Mã TTHC: 1.009478**), Phần II – Nội dung thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 11/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương.

PHẦN II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN TỈNH BÌNH DƯƠNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NÔNG

1. Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1:

Tổ chức, cá nhân thực hiện công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (Bao gồm: Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá; trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận; trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định) nộp hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Bình Dương nơi tổ chức, cá nhân sản xuất đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ cán bộ tiếp nhận và hướng dẫn, hỗ trợ nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến và in biên nhận cho các tổ chức, cá nhân.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng:

* Hồ sơ công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

* Hồ sơ đầy đủ theo quy định chuyển phòng chuyên môn xử lý (đối với hồ sơ của các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, sữa tươi nguyên liệu; hoạt động thu gom sữa tươi) hoặc chuyển đến Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật (đối với hồ sơ của Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bình bơm thuốc trừ sâu đeo vai) hoặc chuyển đến Chi cục Kiểm lâm (đối với hồ sơ keo dán gỗ).

Bước 3: Thẩm định hồ sơ (03 ngày)

+ Đối với hồ sơ của các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, sữa tươi nguyên liệu; hoạt động thu gom sữa tươi: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thực hiện thẩm định hồ sơ.

+ Đối với hồ sơ của Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bình bơm thuốc trừ sâu đeo vai: Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ và thực hiện văn bản trả lời gửi về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

+ Đối với hồ sơ của Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất keo dán gỗ: Chi cục Kiểm lâm thẩm định hồ sơ và thực hiện văn bản trả lời gửi về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy theo mẫu quy định.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

Bước 5: Tổ chức, cá nhân đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận, nộp giấy biên nhận tại nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả hoặc nhận kết quả tại nhà (nếu tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ yêu cầu).

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua môi trường mạng (Cổng dịch vụ công Bình Dương hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia) hoặc trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Bình Dương.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân:

- Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN).

- Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau:

+ Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax.

+ Tên sản phẩm, hàng hóa, nhà sản xuất.

+ Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật.

+ Kết quả thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

+ Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật.

+ Cam kết chất lượng sản phẩm hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định:

- Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN).

- Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Dương.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Kiểm lâm.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): 150.000 đồng/giấy đăng ký.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006.

- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp chuẩn và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.
- Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.
- Thông tư số 40/2018/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về keo dán gỗ.
- Quyết định số 112/QĐ-SNN, ngày 19/4/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thực hiện và ký thừa ủy quyền các thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....

.....

Loại hình đánh giá:

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.”.

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)